

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Ông Nguyễn Văn Kỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố ĐK, phường SH, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc D, sinh năm 1985; HKTT: Khu phố ĐK, phường SH, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

Hiện trú tại: Số 4 Ameilacrescent Canley height, Australia (Úc); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Khắc D ngày 03/12/2019, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở cùng bố mẹ chị T tại xã Song Hồ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp. Từ đó tình cảm phai nhạt, vợ chồng sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 6/2023,

anh D đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay hai bên cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Khắc D.

Con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Khắc VA, sinh ngày 20/7/2005, Nguyễn KN, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn BT, sinh ngày 12/4/2013, Nguyễn KV, sinh ngày 08/4/2019. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao Nguyễn Khắc VA, Nguyễn KN, Nguyễn BT cho anh D nuôi dưỡng, cháu Nguyễn KV giao cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc D có văn bản gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở cùng với bố mẹ tại xã Song Hồ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp từ đó tình cảm phai nhạt, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau, không có tiếng nói chung. Sau đó, anh D đi xuất khẩu lao động nước ngoài, vợ chồng kể từ đó sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc tình cảm. Nay anh xác định tình cảm không còn nên chị T đề nghị được ly hôn với anh thì quan điểm của anh D là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Khắc VA, sinh ngày 20/7/2005, Nguyễn KN, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn BT+, sinh ngày 12/4/2013, Nguyễn Khắc Việt, sinh ngày 08/4/2019. Khi ly hôn, anh D nhất trí quan điểm của chị T, anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là: Cháu Nguyễn Khắc Việt Anh, Nguyễn Khắc Nhật, Nguyễn Bảo Trang. Anh đồng ý việc chị Trang đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khắc Việt. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh chị tự thỏa thuận.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do anh D đang sống tại Australia nên không thể về Việt Nam được. Vì vậy, anh D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị được vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc D xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý vụ án đến lúc Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc D. Về con chung: Cháu Nguyễn Khắc Việt Anh, sinh ngày 20/7/2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Khắc Nhật, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 12/4/2013, cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khắc Việt, sinh ngày 08/4/2019 cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận. Tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Khắc D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Khắc D có hộ khẩu thường trú tại Khu phố Đông Khê, phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Khắc D đang sinh sống và làm việc tại Australia. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an được biết, anh Nguyễn Khắc D đã xuất cảnh lần gần nhất là 09/7/2023 qua Cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Chị T và anh D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết tranh chấp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh D theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào 03/12/2019 tại Ủy

ban nhân dân xã Song Hồ nên đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Tháng 06/2023, khi anh D đi xuất khẩu lao động tại Australia thì vợ chồng sống ly thân, cắt đứt liên lạc và không quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D có gửi lời khai về Tòa án trình bày về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn giống như chị T đã trình bày. Anh D xác nhận anh kết hôn với chị T vào tháng 03/12/2019, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 7/2023, anh D đi xuất khẩu lao động tại Australia nên vợ chồng ly thân cũng như không liên lạc với nhau nữa. Chị T đề nghị ly hôn với anh D thì anh D cũng đồng ý.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh D đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Khắc Việt Anh, sinh ngày 20/7/2005, Nguyễn Khắc Nhật, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 12/4/2013, Nguyễn Khắc Việt, sinh ngày 08/4/2019. Chị T có ý kiến đề anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Khắc Việt Anh, sinh ngày 20/7/2005, Nguyễn Khắc Nhật, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 12/4/2013 và chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khắc Việt. Đồng thời phía anh D cũng có ý kiến đồng ý với ý kiến của chị T. Xét thấy, anh D và chị T đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, việc chị T đề nghị giao 02 con chung cho anh D nuôi dưỡng và chị T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung cũng được anh D đồng ý. Đây là tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Khắc Việt Anh, sinh ngày 20/7/2005 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung và công nợ: Không có, các đương sự cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28,35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc D.

2. Giao 02 con chung là Nguyễn Khắc Nhật, sinh ngày 02/5/2007, Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 12/4/2013 cho anh Nguyễn Khắc D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Khắc Việt, sinh ngày 08/4/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tài sản chung và công nợ: Không có, các đương sự cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000436 ngày 11/10/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kỹ - Trần Minh Phương

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính